

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành  
trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh  
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*


*Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**CHỦ TỊCH**  
  
  
**Trần Hồng Thái**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Kèm theo Quyết định số: 254 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013321	- Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 30 ngày làm việc - Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 36 Trần Phú, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10ha và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm: 15.000.000 đồng. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối: 20.000.000 đồng. - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối: 30.000.000 đồng.	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</li> <li>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/2/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</li> </ul>
2	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013322	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 25 ngày làm việc</li> <li>- Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 36 Trần Phú, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC.</li> </ul>
3	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013324	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 36 Trần Phú, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	<p>Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV</p> <p>Mã TTHC: 1.013323</p>	<p>- Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 25 ngày làm việc</p> <p>- Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản và hồ sơ điều chỉnh có trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 28 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản và hồ sơ điều chỉnh có trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 16 ngày làm việc.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 36 Trần Phú, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản Mã TTHC: 1.013326	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 36 Trần Phú, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT.</li> </ul>
6	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013325	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 36 Trần Phú, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT.</li> </ul>